

CHÍNH PHỦ
Số: 11/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản

1. Điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trên phạm vi cả nước có nhiệm vụ, quyền hạn:

d) Cấp, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm, giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh quy định tại các Điều 16, 24, 40 và 43 của Luật Xuất bản;

2. Cục Xuất bản là cơ quan chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông có nhiệm vụ, quyền hạn:

c) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm quy định tại các Điều 22, 23, 31, 34, 40 và 42 của Luật Xuất bản;

2. Điểm b khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương

2. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức trung ương tại địa phương; giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in xuất bản phẩm thuộc địa phương; giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh quy định tại các Điều 22, 31, 34, 40 và 42 của Luật Xuất bản;

3. Bãi bỏ Điều 10 quy định về đăng ký kế hoạch xuất bản. Việc đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 03 tháng 6 năm 2008.

4. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

1. Việc đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Xuất bản.
2. Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu đã được Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận đăng ký là căn cứ để cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm làm thủ tục nhập khẩu với cơ quan hải quan.
3. Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm được Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận đăng ký có giá trị thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đăng ký; trường hợp quá thời hạn trên mà cơ sở nhập khẩu chưa thực hiện thì phải đăng ký lại trước khi nhập khẩu.”

5. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 20. Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm quy định tại Điều 43 của Luật Xuất bản được lập thành hai bản có nội dung như sau, một bản bằng tiếng Việt và một bản bằng tiếng Anh.
2. Giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm có thời hạn năm năm, kể từ ngày cấp và được gia hạn mỗi lần không quá năm năm.”

6. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 21. Cấp lại giấy phép trong hoạt động xuất bản

Cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, văn phòng đại diện nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm của nước ngoài tại Việt Nam được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 phải làm thủ tục xin cấp lại giấy phép.

Trong thời gian chờ cấp lại giấy phép, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, văn phòng đại diện nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm của nước ngoài tại Việt Nam được tiếp tục hoạt động.”

7. Thay thế cụm từ “Bộ Văn hóa – Thông tin” bằng cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” tại các Điều 4, 11, 15, 17, 19, 23 và cụm từ “Sở Văn hóa – Thông tin” bằng cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông” tại các Điều 11, 12, 13, 15, 17 và 19; thay thế cụm từ “chuyên ngành văn hóa – thông tin” bằng cụm từ “chuyên ngành thông tin và truyền thông” tại Điều 14 Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ.

Điều 2. Bổ sung một số điều mới vào Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

1. Bổ sung Điều 11a như sau:

“Điều 11a. Thông tin ghi trên xuất bản phẩm

1. Việc ghi thông tin trên xuất bản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 26 và không trái với Điều 10 của Luật Xuất bản.

2. Trên bìa một của sách và tài liệu dưới dạng sách (sau đây gọi chung là sách) không ghi tên tác giả, tên người dịch, tên người phiên âm, tên tổ chức, cá nhân liên kết xuất bản trong các trường hợp sau:

a) Sách in nguyên văn từng văn bản Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn kiện của Đảng;

b) Sách in nguyên văn từng văn bản kinh, giáo luật của các tôn giáo đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Đối với bìa một của sách có hình ảnh Quốc kỳ, Quốc huy, Đảng kỳ, bản đồ Việt Nam, chân dung lãnh tụ, người đứng đầu Đảng và Nhà nước thì không ghi tên tác giả, tên người dịch, tên người phiên âm, tên tổ chức, cá nhân liên kết xuất bản trên nền hình ảnh, chân dung đó.

4. Trang cuối sách ghi các thông tin sau:

a) Tên người chịu trách nhiệm xuất bản, tên người biên tập nội dung, tên người trình bày, minh họa, tên người biên tập kỹ thuật, tên người sửa bản in;

b) Số đăng ký kế hoạch xuất bản, số quyết định xuất bản của Giám đốc nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, khuôn khổ sách, số lượng in, tên cơ sở in, thời gian nộp lưu chiểu.

Trường hợp vì lý do kỹ thuật in mà không thể ghi các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này ở trang cuối sách thì ghi ở trang liền sau trang tên sách.”

2. Bổ sung Điều 11b như sau:

“Điều 11b. Xuất bản và phát hành xuất bản phẩm trên mạng thông tin máy tính (mạng internet)

1. Xuất bản trên mạng Internet là việc nhà xuất bản công bố lần đầu tiên toàn bộ tác phẩm, tài liệu trực tiếp trên mạng internet.

Việc xuất bản và phát hành xuất bản phẩm trên mạng internet phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet.

2. Việc xuất bản trên mạng internet phải do nhà xuất bản thực hiện theo quy định sau:

a) Trước khi xuất bản trên mạng internet, nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Cục Xuất bản, trong đó ghi rõ thời gian và địa chỉ website đăng tải xuất bản phẩm và phải được Cục Xuất bản xác nhận bằng văn bản trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản;

b) Ít nhất mười ngày trước khi trực tiếp xuất bản trên mạng Internet, nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu 01 bản xuất bản phẩm được ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu (CD-ROM, DVD, VCD, USB, riêng thư điện tử có dung lượng không